TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 96/2025/QĐST-HNGĐ	*Trà Ôn, ngày 16 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN T TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc T tình ly hôn và thỏa T của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự T tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T T tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa T của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 29/11/2017 và Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 30/10/2014 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0012036 ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, còn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) trả lại cho chị N.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Ủy ban nhân dân xã P,
huyện T, tỉnh Vĩnh Long;
(Giấy kết hôn số: 49 ngày 12/8/2014)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thạch Thị Tuyền